

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 22-01-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Năm

Các thẩm phán: Ông Phùng Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2017/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp Ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số /2017/QĐ-PT ngày tháng năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Duy V, sinh năm 1989

Trú tại: Xóm M, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt*)

2. Bị đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1992

Trú tại: Xóm M, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Duy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phùng Thị T kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tìm hiểu, được hai gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh và chị T về chung sống tại gia đình mẹ đẻ anh V tại xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ tháng 3/2016, nguyên nhân là do anh V và chị T bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường hay xô xát lẫn nhau. Chị T đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2016, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Phúc A, sinh ngày 23/01/2016. Khi ly hôn do con còn bé nên anh đồng ý để cho chị T nuôi con và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phùng Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Duy V năm 2015, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2016, nguyên nhân do không có sự hòa hợp trong cuộc sống. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 2/2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó. Tuy nhiên chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi con. Trường hợp anh V vẫn kiên quyết ly hôn chị cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh V đã trình bày. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung mức 5.000.000đ/ tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, cũng không có yêu cầu gì thêm.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã quyết định:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Trần Duy V được ly hôn chị Phùng Thị T.
- Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phúc A, sinh ngày 23/01/2016. Anh V được quyền đi lại thăm nom con chung.
- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị T 655.000đ/ tháng cho đến khi con trưởng thành.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/9/2017, bị đơn chị Phùng Thị T đã có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện nay anh V đã có công việc ổn định tại nhà máy F tại Bãi Bông, Phố Yên nên chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị số tiền là 2.000.000đ/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh V và chị T đã tự nguyện thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung. Cụ thể: Anh V cấp dưỡng nuôi con cho chị T hàng tháng là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Trần Phúc A trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Phùng Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của chị Phùng Thị T về việc cấp dưỡng nuôi con chung, thấy rằng:

Tại đơn kháng cáo bị đơn chị T yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con cho chị là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng đến khi con chung là cháu Trần Phúc An trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Trần Duy V và chị Phùng Thị T đã tự nguyện thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung như sau: anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 23/01/2016, cho chị T hàng tháng là 1.000.000đ/ tháng, cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì:

“Điều 116. Mức cấp dưỡng

1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

...”

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của chị T, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh V phải nộp 300.000đ án

phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị T không phải nộp án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Phùng Thị T về việc kháng cáo phần cấp dưỡng nuôi con chung tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 47/2017/HNGĐ-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy V, cho anh V được ly hôn chị Phùng Thị T.

4. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phúc A, sinh ngày 23/01/2016 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh V được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trang hàng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng, cho đến khi cháu Trần Phúc A trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

6. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Anh Trần Duy V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, theo biên lai thu số 0011653 ngày 31/3/2017.

- Án phí phúc thẩm: Chị Phùng Thị T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu số 0011873, ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh TN;
- THADS huyện Đại Từ;
- TAND huyện Đại Từ;
- UBND xã Văn Yên;
- Lưu hồ sơ, DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Năm

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 03 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Năm
- Các Thẩm phán: Bà Đỗ Anh Dân và ông Nguyễn Văn Quế

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2017/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2016 về “tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Ông Tô Viết Thành, sinh năm 1958

Trú tại: Xóm 11, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Bà Tạ Thị Châm, sinh năm 1957

Trú tại: Xóm 11, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Bác kháng cáo của ông Tô Viết Thành kháng cáo bản án số 63/2016/HNGĐ-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ về việc yêu cầu ly hôn bà Tạ Thị Châm.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 63/2016/HNGĐ-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng: Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bác Đơn khởi kiện của ông Tô Viết Thành về việc yêu cầu ly hôn với bà Tạ Thị Châm.
2. Về con chung: Đã thành niên
3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: Ông Tô Viết Thành phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí 200.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, theo biên lai thu số 0011234 ngày 26/5/2016.

Về án phí phúc thẩm: Ông Tô Viết Thành phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000đ đã nộp, theo biên lai thu số 0011418 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Anh Dân Nguyễn Văn Quế

Nguyễn Văn Năm